

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07- 7-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc Kh; Sinh năm: 1981; Cư trú tại: Nhà không số, đường P, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H; Sinh năm: 1982; Cư trú tại: Nhà không số, đường P, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Quốc Kh trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị H, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Con chung: Anh và chị H có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Duy, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Quốc Huy, sinh ngày 08/8/2016, hiện đang sống cùng anh và chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh yêu cầu được quyền nuôi con cả 02 người con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh đồng ý giao cả hai người con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Anh xác định có hai chiếc xe gắn máy. Anh xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn tài sản gì khác.

Đối với phần đất căn nhà tại hẻm 94, đường Phan Ngọc Hiền, khóm 6, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, anh xác định tài sản là của cha ruột anh ông Nguyễn Quốc Văn, không phải tài sản chung của vợ chồng, nên anh thống nhất không yêu cầu giải quyết. Việc chị H cho rằng căn nhà này là ông Văn đã cho vợ chồng là không đúng.

- Nợ chung: Anh xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như anh Kh trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, trầm trọng dẫn đến ly hôn. Tuy nhiên, từ cuối năm 2019 anh Kh trở nên ít nói chuyện, tâm sự với vợ, chị có hỏi han thì anh Kh cũng không nói, không chia sẻ. Chị cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Kh vẫn kiên quyết ly hôn. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Kh nên không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu được đoàn tụ.

- Con chung: Chị và anh Kh có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/8/2016, hiện đang sống cùng chị và anh Kh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con cả 02 người con chung, chị đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng như anh Kh trình bày.

- Tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 phần đất và căn nhà một trệt, một lầu, tọa lạc hẻm 94, đường Phan Ngọc Hiền, khóm 6, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do cha chồng là ông Nguyễn Quốc Văn cho vợ chồng vào năm 2011, nhưng chưa sang tên quyền sở hữu và hai chiếc xe gắn máy. Khi ly hôn, chị xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

- Nợ chung: Chị xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng anh Kh và chị H chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Kh cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị H. Chị H cho rằng vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, trầm trọng dẫn đến ly hôn. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Kh nên không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Kh kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với chị H tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng trong quá trình giải

quyết vụ án đến nay chị không có biện pháp nào thuyết phục có hiệu quả để hàn gắn hôn nhân của anh chị. Tại phiên tòa, chị H thừa nhận chị đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng anh Kh không đồng ý. Xét thấy, anh Kh và chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Kh về việc ly hôn với chị H là có căn cứ.

[3] Con chung: Anh và chị H xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/8/2016, hiện đang sống cùng anh Kh và chị H. Khi ly hôn, anh Kh và chị H thống nhất giao cả hai người con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu D tại Biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 13/6/2022, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất anh Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Anh Kh và chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] Nợ chung: Anh Kh và chị H xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc Kh về việc yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Con chung: Giao Nguyễn Quốc D, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/8/2016, hiện đang sống cùng anh Kh và chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Quốc D và Nguyễn Quốc H 2.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Quốc D và Nguyễn Quốc H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Quốc Kh không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Quốc Kh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Ngày 27/4/2022, anh Kh đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001244, được đối trừ, anh Kh tiếp tục nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân